TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/4/2018.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Xuân Tiên
2. Ông Phan Thành Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 30 tháng 3năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Kiều L, sinh năm: 1988
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1981
Cùng trú tại: Tổ 5, thôn V, xã B, huyện T, Quảng Nam.
Các bên đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Kiều L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2010. Sau khi cưới nhau vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chị tính tình không hợp nhau. Bất đồng quan điểm sống, anh A thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc về nhà gây gỗ đánh đập vợ con, đuổi chị L ra khỏi nhà, cuộc sống vợ chồng chị không có hạnh phúc và vợ chồng chị đã sống ly thân gần một năm nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn yêu thương nhau nữa, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Chị L khai vợ chồng chị có 01 con chung tên là Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012. Nguyện vọng của chị L nếu ly hôn xin được nuôi con và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị L khai vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị L khai vợ chồng không nợ ai.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn A trình bày tại bản tự khai, tại các biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay: Về hoàn cảnh, thời gian kết hôn anh A thống nhất như lời trình bày của chị L. Anh A thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng cũng có lời qua tiếng lại, đôi lúc khi uống rượu vào nên không kiềm chế được bản thân anh có đánh, đuổi chị L ra khỏi nhà. Anh cũng có chơi bài bạc nhưng không thường xuyên và chỉ chơi với hàng xóm. Anh biết mình đã sai, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng lo cho con. Nhưng nay chị L cương quyết ly hôn, anh thống nhất yêu cầu Tòa án cho vợ chồng anh được ly hôn.

- Về con chung: Anh A thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012. Nếu ly hôn, anh A yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh A thống nhất vợ chồng không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Chị L anh A thống nhất vợ chồng không nợ ai.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì thấy: Hiện nay cháu Minh là con gái, còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, chị L đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bào tốt cho sự phát triển bình thường của cháu. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012 cho chị L trực nuôi dưỡng. Anh A không cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Nguyễn

Văn A cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn A là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2010, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 12/7/2010. Sau khi kết hôn, chị L và anh A đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị không đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cải vả nhau, xúc phạm, đánh đập. Đến năm 2017, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng chị L vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh A thống nhất, yêu cầu tòa án cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn A.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị L anh A thống nhất có 01 con chung tên là: Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012. Vợ chồng anh A và chị L đều mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi con. Anh A và chị L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Con chung thì có một, chỉ khi nào vợ chồng anh chị sống chung với nhau mới có thể cả hai cùng trực tiếp nuôi con. Nhưng nay anh chị ly hôn thì chỉ giao cho một người được trực tiếp nuôi con. Cháu M là cháu gái hiện nay còn nhỏ, cháu sống thường xuyên với mẹ kể cả thời gian anh chị ly thân với nhau. Bản thân chị L làm chủ một tổ hợp may tại gia đình, có thu nhập ổn định và có thời gian chăm sóc con tốt hơn. Thời gian vừa qua chị L đã nuôi nấng con tử tế, cháu M sống tốt và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Hơn nữa, anh A với nghề nghiệp làm thợ đá tại Đà Nẵng, thường xuyên vắng nhà khó có điều kiện để chăm sóc con được tốt hơn. Cháu M còn nhỏ cần phải có sự dạy bảo, chăm sóc của người mẹ và cần phải ưu tiên quyền nuôi con của người phụ nữ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và ổn định môi trường sống cho cháu M. Chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị L và anh A thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L và anh A thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Kiều L phải chịu số tiền: 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Được tính trừ vào số tiền: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020463 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

[8] Các bên đương có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Kiều L và anh Nguyễn Văn A. Chị Phan Thị Kiều L được ly hôn anh Nguyễn Văn A.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày: 17/3/2012 cho chị Phan Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

3. Về tài sản chung: Chị L và anh A thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị L và anh A thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị Kiều L phải chịu số tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000^{đ}(Ba trăm ngàn đồng). Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lại thu số 0020463 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam.

6.Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Phùng Thành